

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **30/2019/HNGĐ - ST**

Ngày 11/9/2019

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thiệu Khắc Yên

Bà Nguyễn Thị Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1992

2. Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T1, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Thôn 7 S, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/9/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Ngọc T1 xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An vào ngày 09 tháng 01 năm 2012. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, đã nhiều lần anh T1 đánh chị T, ngay cả khi chị T mang thai. Tháng

6 năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Lý do chị nghi ngờ cho anh T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên khi về nhà thường xuyên đánh đập chị. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 6 năm 2018, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, chị không có thai nghén. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung Phạm Ngọc V, sinh ngày 21/10/2012 đang ở với anh T1 cùng ông bà nội. Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết, chị đồng ý để con cho anh T1 nuôi, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Ngày 05/8/2019 chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Ngọc T1 trình bày:

Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn anh thống nhất với ý kiến của chị T. Khi mâu thuẫn xảy ra, đã nhiều lần anh gọi điện trao đổi với chị T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Nguyện vọng của anh xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau xây dựng cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung Phạm Ngọc V, sinh ngày 21/10/2012. Hiện cháu đang ở với anh cùng ông bà nội. Nguyện vọng của anh xin được trực tiếp nuôi con, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 và Điều 49 BLTTDS. Đối với đương sự, chị T thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với anh T1 chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng anh vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị T được ly hôn anh T1. Về con chung: giao cháu Phạm Ngọc V, sinh ngày 21/10/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem

xét. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Ngọc T1 đã được Tòa án nhân dân huyện Nông Cống triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh Thiên.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị T và anh Phạm Ngọc T1 dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống, anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm hai bên không tự điều chỉnh được. Trong quan hệ tình cảm, vợ chồng không tin tưởng nhau về lòng chung thủy nên mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã chấm dứt, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung Phạm Ngọc V, sinh ngày 21/10/2012. Ly hôn anh, chị đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Về phía chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng, còn anh T1 yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Xét thấy việc xin nuôi con của anh chị là chính đáng, song cần phải xem xét đến điều kiện của mỗi bên để giao nuôi con cho phù hợp. Hiện nay anh T1 không có mặt tại địa phương nên giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nên HĐXX không xét.

- Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án ly hôn và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên chị phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị T được ly hôn anh Phạm Ngọc T1.

2. Về con chung: Giao Phạm Ngọc V, sinh ngày 21/10/2012 cho chị Võ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0001766 ngày 26/9/2018. Chấp nhận chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T, vắng mặt anh T1. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Q, huyện Q1;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình